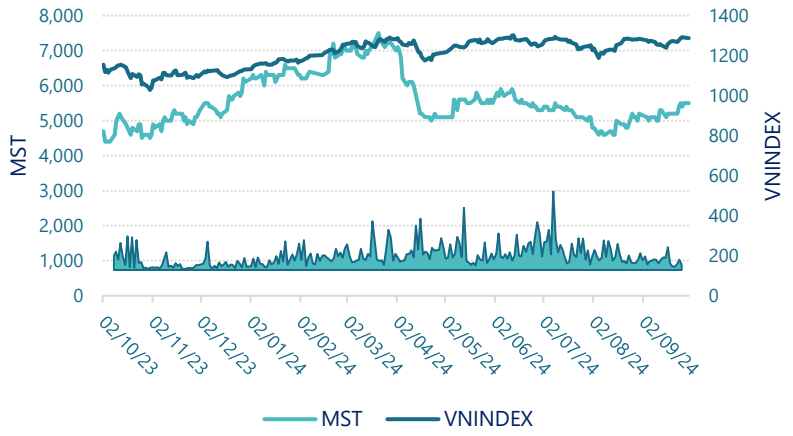
FireAnt

CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	76,004,301
KLGD BQ 20 phiên (CP)	855,110
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	418
P/E	13.9
EPS	396

DT thuần

Q3/24

274

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.0| -9.6%

YoY: ▼92.0| -25.1%

LN sau thuế

Q3/24

5.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.92| 59.0%

YoY: ▼6.22| -54.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

2.4%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

9T 2024

859

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0| -5.3%

LN sau thuế

9T 2024

11.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.2| -81.3%

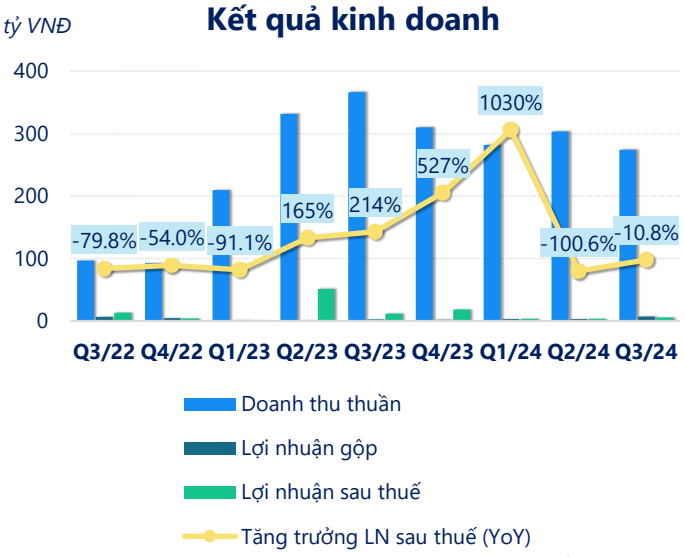
ROE

Q3/24

3.5%

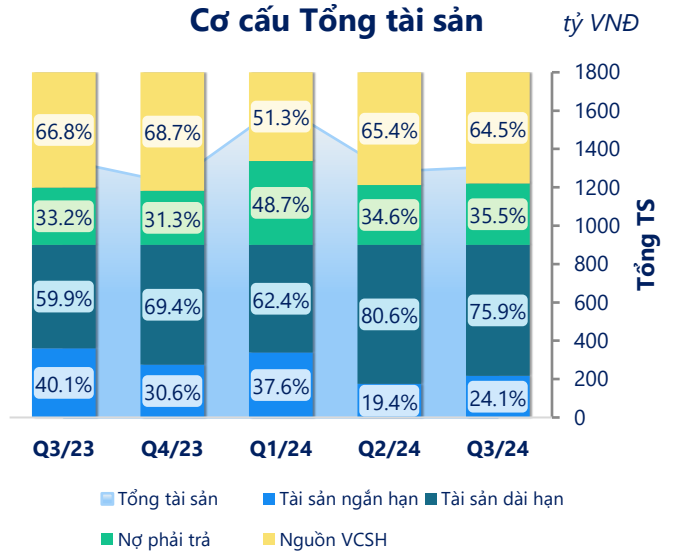
+/- YoY: ▼ 4.3%

Kết quả kinh doanh



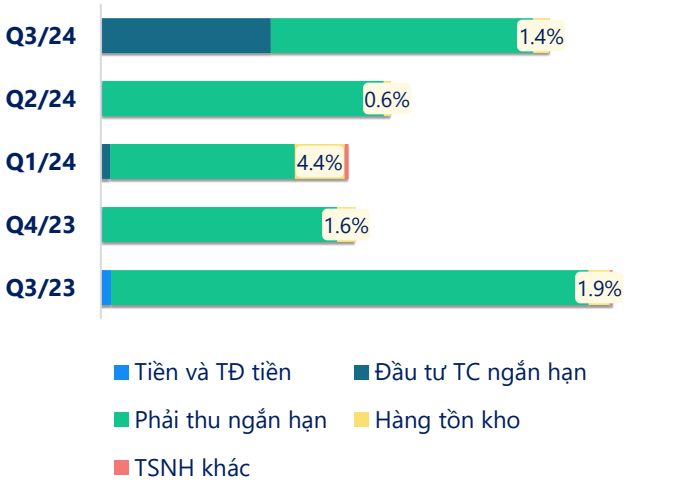
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



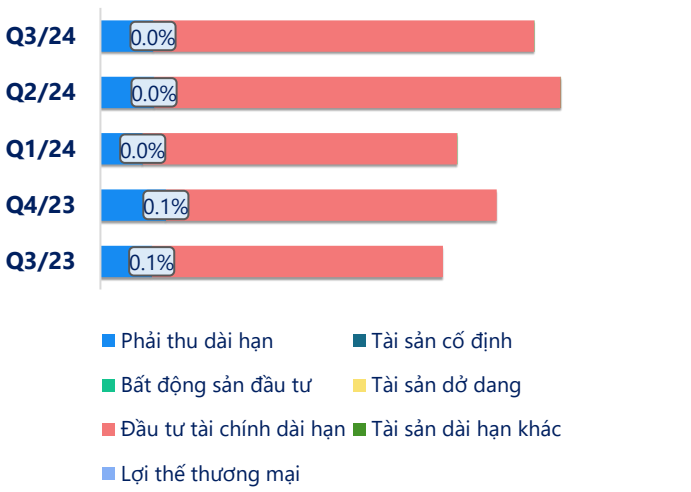
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



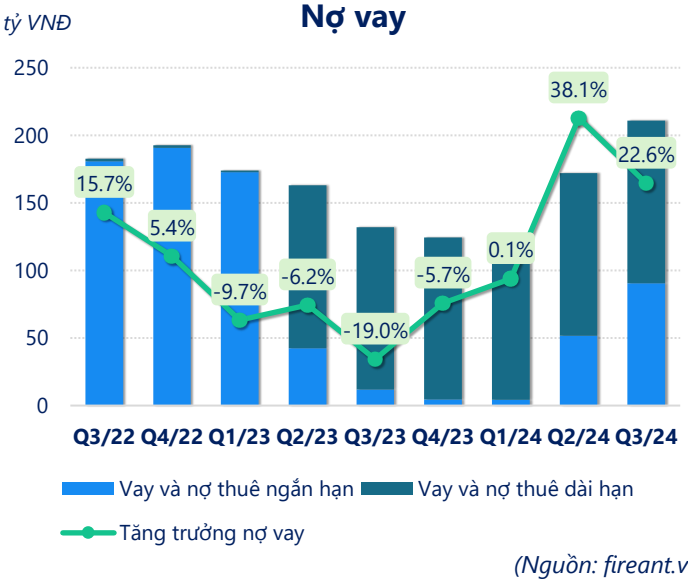
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



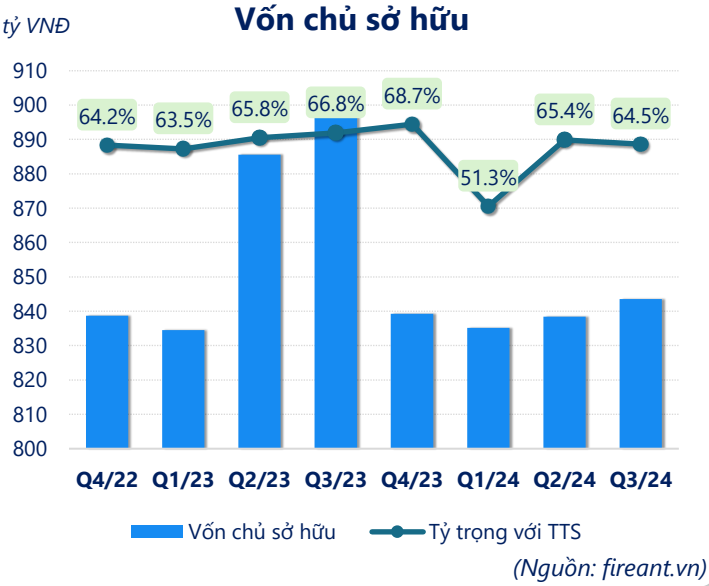
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



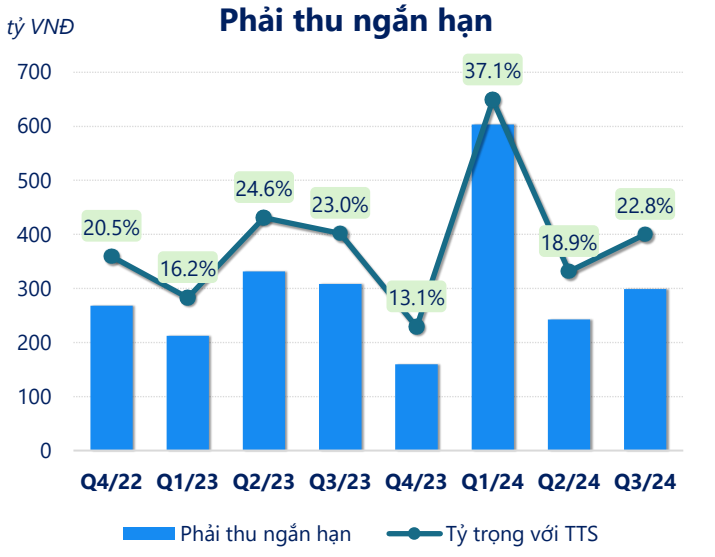
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



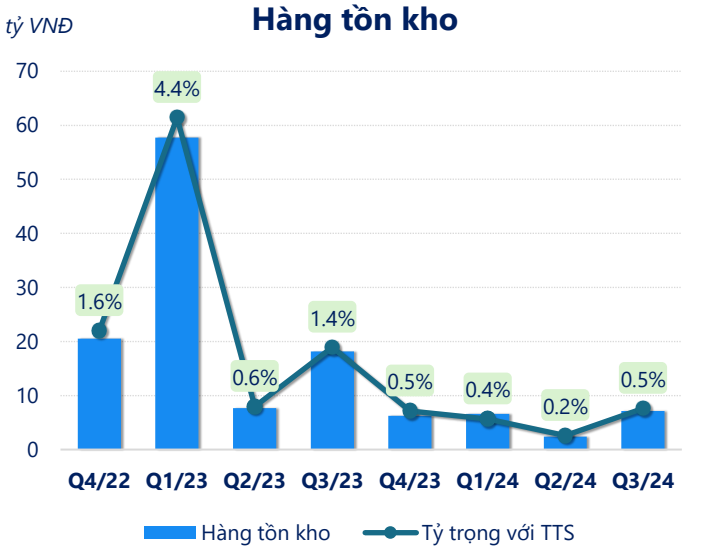
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



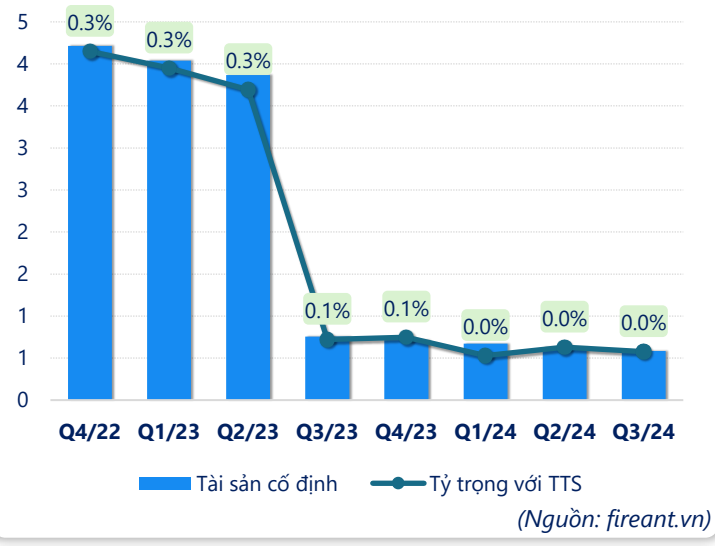
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



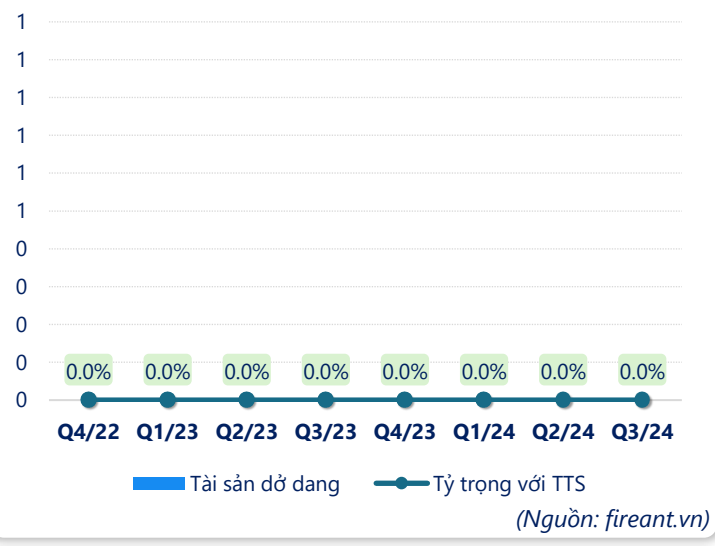
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



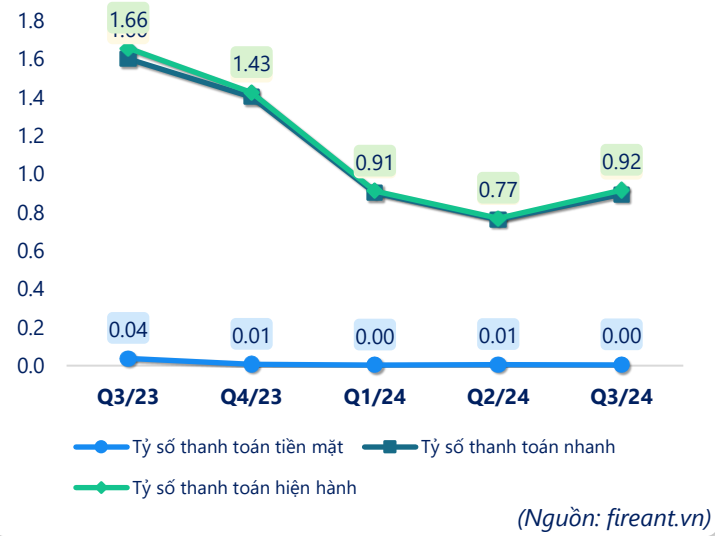
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



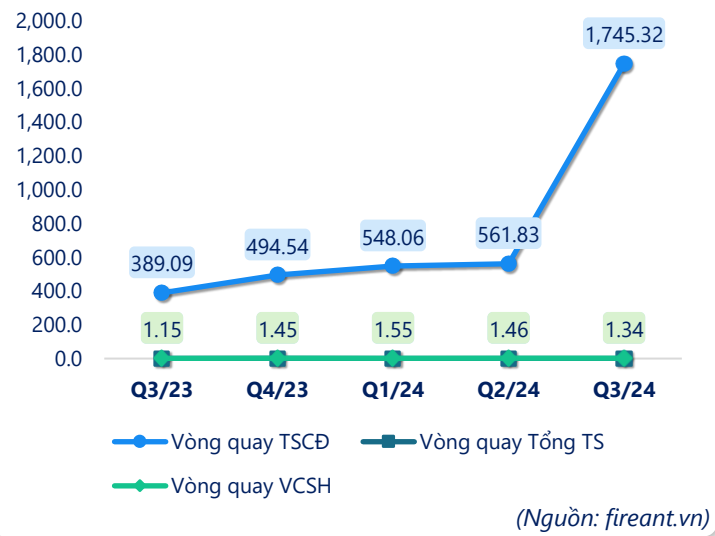
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,342**	**1,222**	**1,627**	**1,283**	**1,308**
Tài sản ngắn hạn	**538**	**374**	**612**	**249**	**315**
Tiền và tương đương tiền	12.2	1.71	1.89	1.77	1.40
Đầu tư tài chính ngắn hạn	198	206	0	0	5.02
Phải thu ngắn hạn	308	160	603	243	299
Hàng tồn kho	18.1	6.22	6.57	2.37	7.11
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	0.14	0.00	2.44	2.65
Tài sản dài hạn	**804**	**848**	**1,016**	**1,034**	**993**
Phải thu dài hạn	120	140	120	120	120
Tài sản cố định	0.75	0.71	0.67	0.63	0.59
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	683	707	895	913	873
Tài sản dài hạn khác	0	0	0.03	0.02	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**445**	**382**	**792**	**444**	**465**
Nợ ngắn hạn	**325**	**263**	**672**	**324**	**344**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.8	4.56	4.21	51.7	90.6
Phải trả người bán ngắn hạn	148	151	223	192	182
Nợ dài hạn	120	120	120	120	120
Vay và nợ thuê dài hạn	120	120	120	120	120
Nguồn vốn chủ sở hữu	**897**	**839**	**835**	**838**	**844**
Vốn chủ sở hữu	**897**	**839**	**835**	**838**	**844**
Vốn điều lệ	760	760	760	760	760
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)